

Thứ tự thực hiện các phép tính

Họ và tên: _____

Ngày: _____

DẠNG 1. Biểu thức không có dấu ngoặc

Gợi ý: lũy thừa trước, rồi nhân chia, cuối cùng cộng trừ; cùng bậc thì từ trái sang phải.

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức.

a) $95 - 45 : 5 + 12$

.....

.....

.....

b) $84 : 7 \cdot 2$

.....

.....

c) $120 : 4 : 3$

.....

.....

d) $3 \cdot 4^2 - 2^3 + 15$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Bạn Minh tính $36 - 12 + 4 = 36 - 16 = 20$. Minh làm đúng hay sai? Nếu sai, hãy sửa lại.

.....

.....

.....

DẠNG 2. Biểu thức có dấu ngoặc

Gợi ý: tính từ trong ra ngoài, ngoặc tròn $\rightarrow$ ngoặc vuông $\rightarrow$ ngoặc nhọn.

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức.

a) $5 \cdot (18 - 3^2)$

.....

.....

.....

b) $150 - [6 + (15 - 9) \cdot 4]$

.....

.....

.....

.....

c) $\{3^2 + [56 : (11 - 4) + 2]\} \cdot 3$

.....

.....

.....

.....

.....

d) $2 \cdot \{50 - [3 \cdot (4 + 2^2) - 4]\}$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Đặt thêm một cặp dấu ngoặc tròn vào vế trái để được đẳng thức đúng.

a) $2 \cdot 5 + 3 = 16$

b) $30 - 10 - 5 = 25$

DẠNG 3. Tính giá trị biểu thức chứa chữ

Gợi ý: thay chữ bằng số, viết lại dấu nhân ($2x = 2 \cdot x$), rồi tính theo thứ tự.

Bài 5. Tính giá trị của các biểu thức sau khi $x = 4, y = 3$.

a) $2x + 5y$

.....
.....

b) $3x^2$

.....
.....

c) $(x + y) \cdot (x - y)$

.....
.....

d) $x^2 + y^2 - 2xy$

.....
.....
.....

Bài 6. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài a mét, chiều rộng b mét. Viết biểu thức tính chu vi và diện tích mảnh đất, rồi tính khi $a = 9, b = 6$.

.....
.....
.....
.....

DẠNG 4. Lập biểu thức cho bài toán thực tế

Gợi ý: viết từng phần thành phép tính rồi ghép lại; phần phải tính trước thì đặt trong ngoặc.

Bài 7. Mai mua 4 hộp bút màu, mỗi hộp giá 25 nghìn đồng, và 3 quyển sổ, mỗi quyển giá 15 nghìn đồng. Mai đưa cô bán hàng 200 nghìn đồng.

a) Viết biểu thức tính số tiền Mai phải trả rồi tính.

.....

.....

.....

b) Viết một biểu thức tính số tiền Mai được trả lại rồi tính.

.....

.....

.....

Bài 8. Một nhà sách trong một tuần: 3 ngày đầu mỗi ngày bán được 45 cuốn truyện, 4 ngày còn lại mỗi ngày bán được 38 cuốn. Hỏi trung bình mỗi ngày nhà sách bán được bao nhiêu cuốn truyện? Viết biểu thức tính kết quả.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Lớp 6A có 35 bạn đi tham quan. Vé vào cửa là 40 nghìn đồng mỗi bạn; tiền thuê xe là 1 400 nghìn đồng, chia đều cho cả lớp. Mỗi bạn phải đóng bao nhiêu tiền? Viết biểu thức tính kết quả.

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ tự thực hiện các phép tính

DẠNG 1. Biểu thức không có dấu ngoặc

Cách làm. Tính lũy thừa trước; rồi đến nhân và chia; cuối cùng là cộng và trừ. Nếu chỉ có cộng, trừ (hoặc chỉ có nhân, chia) thì tính lần lượt từ trái sang phải.

Bài 1.

a) $= 95 - 9 + 12 = 86 + 12$. Đáp án: 98

b) Chỉ có nhân, chia nên tính từ trái sang phải $= 12 \cdot 2$. Đáp án: 24

c) Từ trái sang phải $= 30 : 3$ (không lấy $4 : 3$ trước). Đáp án: 10

d) $= 3 \cdot 16 - 8 + 15 = 48 - 8 + 15 = 40 + 15$. Đáp án: 55

Bài 2. Sai: Minh đã cộng $12 + 4$ trước. Chỉ có cộng, trừ thì phải tính từ trái sang phải:
 $36 - 12 + 4 = 24 + 4$.

Đáp án: 28

DẠNG 2. Biểu thức có dấu ngoặc

Cách làm. Tính trong ngoặc tròn () trước, rồi ngoặc vuông [], cuối cùng ngoặc nhọn { }. Bên trong mỗi ngoặc vẫn theo thứ tự: lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ.

Bài 3.

a) $= 5 \cdot (18 - 9) = 5 \cdot 9$. Đáp án: 45

b) $= 150 - [6 + 6 \cdot 4] = 150 - [6 + 24] = 150 - 30$. Đáp án: 120

c) $= \{9 + [56 : 7 + 2]\} \cdot 3 = \{9 + [8 + 2]\} \cdot 3 = \{9 + 10\} \cdot 3 = 19 \cdot 3$. Đáp án: 57

d) $= 2 \cdot \{50 - [3 \cdot 8 - 4]\} = 2 \cdot \{50 - [24 - 4]\} = 2 \cdot \{50 - 20\} = 2 \cdot 30$. Đáp án: 60

Bài 4.

a) Nếu không có ngoặc thì $2 \cdot 5 + 3 = 13$. Cần cộng trước. Đáp án: $2 \cdot (5 + 3) = 16$

b) Nếu không có ngoặc thì $30 - 10 - 5 = 15$. Cần tính $10 - 5$ trước. Đáp án:
 $30 - (10 - 5) = 25$

DẠNG 3. Tính giá trị biểu thức chứa chữ

Cách làm. Thay mỗi chữ bằng số đã cho (nhớ viết dấu nhân giữa số và chữ: $5y = 5 \cdot y$), rồi tính theo đúng thứ tự thực hiện các phép tính. Số mũ chỉ gắn với chữ đứng ngay dưới nó: $3x^2 = 3 \cdot x^2$.

Bài 5.

a) $= 2 \cdot 4 + 5 \cdot 3 = 8 + 15$. Đáp án: **23**

b) $= 3 \cdot 4^2 = 3 \cdot 16$ (không phải $12^2 = 144$). Đáp án: **48**

c) $= (4 + 3) \cdot (4 - 3) = 7 \cdot 1$. Đáp án: **7**

d) $= 4^2 + 3^2 - 2 \cdot 4 \cdot 3 = 16 + 9 - 24 = 25 - 24$. Đáp án: **1**

Bài 6. Chu vi: $2 \cdot (a + b) = 2 \cdot (9 + 6) = 2 \cdot 15 = 30$ (m). Diện tích: $a \cdot b = 9 \cdot 6 = 54$ (m²).

Đáp án: **Chu vi 30 m, diện tích 54 m²**

DẠNG 4. Lập biểu thức cho bài toán thực tế

Cách làm. Gạch chân số liệu. Viết mỗi phần (tiền vở, tiền bút, số sách mỗi đợt...) thành một phép tính, rồi ghép thành một biểu thức. Phần nào phải tính xong mới được đem trừ, chia... thì đặt trong ngoặc.

Bài 7.

a) $4 \cdot 25 + 3 \cdot 15 = 100 + 45$. Đáp án: **145 nghìn đồng**

b) Tiền mua phải đặt trong ngoặc: $200 - (4 \cdot 25 + 3 \cdot 15) = 200 - 145$. Đáp án: **55 nghìn đồng**

Bài 8. Tổng số truyện bán trong 7 ngày: $3 \cdot 45 + 4 \cdot 38 = 135 + 152 = 287$ (cuốn). Trung bình mỗi ngày: $(3 \cdot 45 + 4 \cdot 38) : 7 = 287 : 7 = 41$ (cuốn). (Lấy $(45 + 38) : 2$ là sai, vì số ngày của hai đợt không bằng nhau.)

Đáp án: **41 cuốn**

Bài 9. Cách 1: mỗi bạn đóng tiền vé cộng phần tiền xe: $40 + 1400 : 35 = 40 + 40 = 80$ (nghìn đồng). Cách 2: tổng chi phí chia cho số bạn: $(35 \cdot 40 + 1400) : 35 = (1400 + 1400) : 35 = 2800 : 35 = 80$.

Đáp án: **80 nghìn đồng**